

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

**1 Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc**

- Nhận dạng sản phẩm
- Tên thương mại: **SOLOFLEX**
- Mã sản phẩm: 205430
- Mục đích sử dụng hóa chất hay hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng  
Không có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất/chế phẩm Ma tít dùng cho gạch lát
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/cung cấp:  
SCHOMBURG GmbH  
Aquafinstr. 2-8  
D-32760 Detmold  
Đức  
-----  
ĐT: ++49 (0)5231/953-00  
Fax: ++49 (0)5231/953-123  
email: info@schomburg.de  
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:  
Phòng an toàn sản phẩm  
  
ĐT: ++49 (0)5231/953-193  
Fax: ++49 (0)5231/953-106  
email: guido.herfort@schomburg.de

**2 Nhận biết nguy hiểm**

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008



GHS05 chất ăn mòn

Eye Dam. 1 H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.



GHS07

Skin Irrit. 2 H315 Gây kích ứng da.

STOT SE 3 H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hay Chỉ thị 1999/45/EC



Xi; Chất gây kích ứng

R37/38-41: Gây kích ứng da và hệ hô hấp. Nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.

- Hệ thống phân loại:

Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.

- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008  
Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo quy định CLP.
- Ký tự biểu thị nguy hiểm GHS05, GHS07
- Từ báo hiệu Nguy hiểm
- Các thành phần nguy hiểm xác định trên nhãn:  
Xi mắg, xi mắg poclan, hóa chất.
- Cảnh báo nguy hiểm  
H315 Gây kích ứng da.

(Xem tiếp ở trang 2)

GB

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: **SOLOFLEX**

(Tiếp theo trang 1)

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

• **Biện pháp phòng ngừa**

- P261 Tránh hít phải bụi/ hơi/ khí/ bụi sương/ hơi bốc lên/ khí xịt.  
P280 Đeo găng tay/ quần áo bảo hộ/ thiết bị bảo vệ mắt/ mặt nạ bảo hộ.  
P305+P351+P338 **NẾU ĐÍNH VÀO MẮT:** Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có để dễ vệ sinh mắt. Tiếp tục rửa sạch.  
P321 Đặc trị (xem trên nhãn sản phẩm).  
P405 Bảo quản kín.  
P501 Tiêu hủy các thành phần/thùng chứa theo đúng các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

• **Các mối nguy hiểm khác**

• **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**

- **PBT:** Không áp dụng.  
• **vPvB:** Không áp dụng.

### 3 Thành phần/ Thông tin về các phụ liệu

- **Đặc tính hóa học:** Hỗn hợp  
• **Mô tả:** Sản phẩm gốc xi măng và bột khoáng.

• **Thành phần nguy hiểm:**

CAS: 65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất 25-50%  
EINECS: 266-043-4 ☒ Xi R37/38-41; ☒ Xi R43  
☒ Eye Dam. 1, H318; ☒ Skin Irrit. 2, H315; STOT SE 3, H335

• **Thông tin bổ sung**

Hàm lượng crôm trong xi măng nhỏ hơn 2ppm, vì vậy không áp dụng mục đánh giá tương ứng số 43.

### 4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**  
• **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.  
• **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí trong lành; tham vấn bác sĩ nếu xuất hiện triệu chứng.  
• **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa sạch ngay bằng nước và xà phòng rồi dội sạch hoàn toàn.  
• **Sau khi tiếp xúc với mắt** Mở và rửa mắt trong vài phút dưới dòng nước chảy. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp diễn, đi khám bác sĩ.  
• **Sau khi nuốt phải** Uống thật nhiều nước. Tránh gây nôn. Gọi ngay cho bác sĩ.  
• **Thông tin dành cho bác sĩ**  
• **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**  
Không có thông tin liên quan.  
• **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**  
Không có thông tin liên quan.

### 5 Các biện pháp chữa cháy

- **Phương tiện chữa cháy**  
• **Các chất dập lửa phù hợp**  
Sản phẩm không dễ cháy.  
Áp dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.  
• **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hay hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.  
• **Chỉ dẫn dành cho lính cứu hỏa**  
• **Trang thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).  
• **Thông tin bổ sung** Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn cấp.

GB

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: **SOLOFLEX**

(Tiếp theo trang 2)

## 6 Các biện pháp đối phó sự cố phát thải

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**  
Tránh tạo thành bụi.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Mặc quần áo bảo hộ.
- **Bảo vệ môi trường:** Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước, hố ga, hầm chứa nước thải.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**  
Thu gom sản phẩm bằng máy chuyên dụng, tránh tạo thành bụi.
- **Các mục tham khảo khác**  
Xem Mục 8 để biết thông tin về trang phục bảo hộ lao động.  
Xem Mục 13 để biết thông tin về tiêu hủy.  
Xem Mục 7 để biết thông tin về xử lý an toàn.

## 7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**  
Tránh tạo thành bụi.  
Đề xa tầm tay trẻ em.
- **Thông tin về phòng chống cháy nổ:** Không cần biện pháp đặc biệt nào.
- **Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cát giữ**
- **Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:** Không có yêu cầu đặc biệt nào.
- **Thông tin về việc cát giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**  
Tuân thủ các quy tắc của Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện cát giữ:** Bảo vệ tránh ẩm và cách xa nguồn nước.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

## 8 Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**  
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.  
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.  
Không có dữ liệu khác, xem Mục 7 Phiếu an toàn hóa chất.
- **Thông số kiểm soát**
- **Thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**

---

**65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất (25-50%)**  
WEL Giá trị dài hạn:  $10^* 4^{**} \text{ mg/m}^3$   
\*tổng nồng độ bụi có thể hít vào \*\*nồng độ bụi có thể hít thở được  
**1305-62-0 calcium dihydroxide (< 1%)**  
WEL Giá trị dài hạn:  $5 \text{ mg/m}^3$
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Trang phục bảo hộ lao động**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**  
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.  
Đề cách xa thực phẩm, thức uống và đồ ăn.  
Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi làm việc.  
Đảm bảo vệ sinh da sạch sẽ sau khi làm việc và trước khi nghỉ giải lao.  
Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn và dính sản phẩm.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.

(Xem tiếp ở trang 4)

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: **SOLOFLEX**

(Tiếp theo trang 3)

- **Thiết bị hô hấp:**  
Đeo thiết bị bảo vệ hô hấp khi vượt quá các giới hạn phơi nhiễm cho phép, ví dụ như mặt nạ phòng độc che kín mặt: kết hợp bộ lọc B1-P2 (xám/trắng).
- **Bảo vệ tay:** Găng tay cao su nitril
- **Chất liệu găng**  
Găng tay bảo hộ phủ nitril (loại III, dày: 0,425 mm thời gian thấm > 480 phút (vd. găng tay bảo hộ kháng hóa chất Ansell, Sol-Vex® 37-900)  
Việc lựa chọn loại găng tay phù hợp, không chỉ dựa vào chất liệu, mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất.
- **Thời gian thấm của vật liệu làm găng**  
Thời gian mòn thủng chính xác của găng phải do nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi.
- **Bảo vệ mắt:** Đeo kính bảo hộ ôm sát, che kín mắt.
- **Bảo vệ thân thể:** Quần áo bảo hộ lao động.

## 9 Các đặc tính lý, hóa

- Thông tin về các đặc tính lý, hóa cơ bản
- Tổng quan
- Trạng thái vật lý:
  - Dạng: Bột
  - Màu: Xám
- Mùi: Nhẹ, mùi đặc trưng

- Thay đổi trong điều kiện
  - Điểm nóng chảy/Khoảng nóng chảy: Chưa xác định
  - Điểm sôi/Khoảng sôi: Chưa xác định

- Điểm bùng cháy: Không áp dụng
- Khả năng tự bốc cháy: Sản phẩm không tự bốc cháy.
- Nguy cơ cháy nổ: Sản phẩm không có nguy cơ nổ.
- Tỷ trọng: Chưa xác định
- Tỷ trọng biểu kiến ổn định: 1,370 kg/dm<sup>3</sup>

- Độ hòa tan trong/ Khả năng hòa lẫn với
  - Nước: Tan hoàn toàn
- Thông tin khác: Không có thông tin liên quan.

## 10 Độ ổn định và hoạt tính

- Hoạt tính
- Độ ổn định hóa học
- Phân hủy do nhiệt / các điều kiện cần tránh:  
Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm: Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến.
- Điều kiện cần tránh: Không có thông tin liên quan.
- Vật liệu không tương thích: Không có thông tin liên quan.
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào.

GB

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: SOLOFLEX

(Tiếp theo trang 4)

### 11 Thông tin về Độc tính

- Thông tin về các ảnh hưởng độc hại
- **Độc cấp tính:**
- **Ngưỡng LD/LC50 để phân loại:**

---

  - 1305-62-0 calcium dihydroxide**  
Đường miệng LD50 7340 mg/kg (chuột)
  - 544-17-2 Calciumformiat**  
Đường miệng LD50 3050 mg/kg (chuột)
- **Gây kích ứng chính:**
- **trên da:** kích ứng da và màng nhầy.
- **trên mắt:** gây kích ứng.
- **Mẫn cảm:** có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
- **Thông tin độc tính bổ sung:**  
Theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC, phiên bản hiện hành mới nhất, sản phẩm có những mối nguy hiểm sau:  
Gây kích ứng

### 12 Thông tin sinh thái

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:**

---

  - 544-17-2 Calciumformiat**  
LC 0 (96h) 1000 mg/l (Brachydanio rerio)  
48h / 1000 mg/l (Leuciscus idus)
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường:**
- **Khả năng tích tụ sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Tác hại sinh thái:**

---

  - 544-17-2 Calciumformiat**  
EC 50 10.000 mg/l (Độc tính trên khuẩn)
- **Thông tin sinh thái bổ sung:**
- **Lưu ý chung:** Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước nhóm độ 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

### 13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**  
Không được tiêu hủy chung với rác thải sinh hoạt. Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước.
- **Danh mục rác thải Châu Âu**

---

  - 10 00 00 RÁC THẢI TỪ QUY TRÌNH XỬ LÝ NHIỆT
  - 10 12 00 rác thải từ sản xuất đồ gốm, gạch, gạch lát và các sản phẩm xây dựng
  - 10 12 03 hạt và bụi
  - 17 00 00 RÁC THẢI XÂY DỰNG VÀ PHÁ DỠ (BAO GỒM ĐẤT ĐÀO TỪ NHỮNG NƠI BỊ NHIỄM BẨN)
  - 17 01 00 bê tông, gạch, gạch lát và đồ gốm

(Xem tiếp ở trang 6)

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: **SOLOFLEX**

(Tiếp theo trang 5)

17 01 01 bê tông

- Bao bì chưa làm sạch:
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo đúng các quy định chính thức.
- **Chất tẩy rửa khuyến dùng:** Nước, thêm chất tẩy nếu cần.

#### 14 Thông tin vận chuyển

· Mã LHQ (UN) · ADR	Không có thông tin
· Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ · ADR	Không có thông tin
· Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển · ADR · Phân loại	Không có thông tin
· Nhóm đóng gói · ADR	Không có thông tin
· Nguy hiểm cho môi trường:	Không áp dụng.
· Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không áp dụng.
· Vận chuyển khối lượng lớn theo Phụ lục II MARPOL73/78 và quy tắc IBC	Không áp dụng.
· Vận chuyển/ Thông tin bổ sung:	Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật nêu trên.

#### \* 15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với chất hay hỗn hợp
- Quy định quốc gia
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**  
Gây nguy hiểm cho môi trường nước nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.  
Phân loại dựa trên các chỉ dẫn của Đức.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất.

#### 16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên các kiến thức mới nhất của chúng tôi. Tuy nhiên, dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

##### · Cụm từ liên quan

- H315 Gây kích ứng da.
- H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
- R37/38 Kích ứng hệ hô hấp và da.
- R41 Nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.
- R43 Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.

- **Bộ phận phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường.

- **Liên hệ:** Ông Guido Herfort

##### · Từ và cụm từ viết tắt:

- ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy Định Vận Tải Đường Bộ Châu Âu đối với Hàng Hóa Nguy Hiểm)
- GHS: Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất
- EINECS: Danh Mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của Liên Minh Châu Âu
- ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo của Liên Minh Châu Âu

(Xem tiếp ở trang 7)

Ngày in 25.08.2014

Phiên bản số 5

Ngày hiệu chỉnh: 18.06.2014

Tên thương mại: **SOLOFLEX**

(Tiếp theo trang 6)

CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)

LC50: Nồng Độ gây tử vong, 50%

LD50: Liều Lượng gây tử vong, 50%

Skin Irrit. 2: Ăn mòn/kích ứng da, Phân Loại Nguy Hiểm Nhóm 2

Eye Dam. 1: Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng, Phân Loại Nguy Hiểm Nhóm 1

STOT SE 3: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn, Phân Loại Nguy Hiểm Nhóm 3

· \* **Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB